

Số: 07/2024/QĐST-HNGĐ

Hà Nam, ngày 26 tháng 11 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH**

**V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thoả thuận nuôi con**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM**

*Thành phần giải quyết việc hôn nhân và gia đình gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp:* Ông Trần Văn San.

*Thư ký phiên họp:* Bà Nguyễn Thị Huyền Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên họp:* Bà Nguyễn Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 42/2024/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 10 năm 2024 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thoả thuận nuôi con*” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 07/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 14 tháng 11 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:*

+ Anh Bùi Ngọc T, sinh năm 1986; nơi ĐKKHKT: Thôn Đ, xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam; chỗ ở hiện nay: 16-17, A-ro 1082 beon-gil, Dunpo-myeon, A-si, C-do, K (Hàn Quốc).

+ Chị Vũ Thanh H, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam.

- Người đại diện theo uỷ quyền của anh Bùi Ngọc T để giao, nhận tài liệu, văn bản tố tụng của Tòa án: Anh Lê Anh N, sinh năm 1979; địa chỉ: Số E, ngõ A, phố P, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

- Người đại diện theo uỷ quyền của chị Vũ Thanh H để giao, nhận tài liệu, văn bản tố tụng của Tòa án: Anh Bùi Thiên A - Công ty L1; địa chỉ: Số E, ngõ A, phố P, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông Bùi Xuân Q, sinh năm 1954 và bà Lê Thị L, sinh năm 1954; cùng nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam.

Phiên họp vắng mặt anh T, chị H, anh N, anh A, ông Q, bà L (các đương sự đều xin giải quyết vắng mặt).

### **NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:**

Theo đơn yêu cầu, bản tự khai của anh Bùi Ngọc T và chị Vũ Thanh H, nội dung yêu cầu giải quyết như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Ngọc T và chị Vũ Thanh H đăng ký kết hôn ngày 03/01/2015 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc và có 02 con chung. Năm 2022, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, tranh cãi; nguyên nhân mâu thuẫn do anh Tân S và làm việc tại Hàn Quốc, vợ chồng sống xa nhau nên phát sinh nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn như trước. Anh T, chị H đã cố gắng hàn gắn tình cảm và được hai bên gia đình động viên, khuyên bảo nhưng đều không có kết quả. Anh T, chị H sống ly thân từ năm 2022 đến nay và xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được và yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam giải quyết công nhận thuận tình ly hôn cho anh, chị.

Về con chung: Anh Bùi Ngọc T và chị Vũ Thanh H có 02 con chung là cháu Bùi Minh K1, sinh ngày 08/11/2015 và Bùi Minh K2, sinh ngày 25/10/2020. Khi ly hôn, anh T, chị H thỏa thuận anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu K1; chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu K2. Anh T, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Do anh T đang ở Hàn Quốc, anh T, chị H thống nhất uỷ quyền cho bố mẹ đẻ của anh T là ông Bùi Xuân Q và bà Lê Thị L nuôi dưỡng, chăm sóc cháu K1 trong thời gian anh T ở nước ngoài cho đến khi anh T về Việt Nam.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung: Anh Bùi Ngọc T và chị Vũ Thanh H xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Ý kiến của cháu Bùi Minh K1 tại văn bản ngày 07/11/2024: Khi bố mẹ ly hôn, cháu K1 có nguyện vọng được ở với bố.

\* Quan điểm của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Bùi Xuân Q và bà Lê Thị L trình bày:

Anh Bùi Ngọc T là con trai của ông bà. Năm 2015 anh T kết hôn với chị Vũ Thanh H. Sau khi kết hôn, anh T, chị H sống cùng với vợ chồng ông bà. Quá trình chung sống, ông bà thấy anh T, chị H thỉnh thoảng có cãi nhau do bất đồng quan điểm; còn giữa chị H và ông bà không có điều tiếng gì. Anh T đi lao động ở Hàn Quốc trước khi kết hôn với chị H. Năm 2018, anh T làm thủ tục cho chị H sang Hàn Quốc ở cùng anh T. Khi sống ở Hàn Quốc, anh T, chị H có mâu thuẫn hay không, ông bà không biết. Năm 2020 chị H về Việt Nam sinh cháu K2. Tết năm 2022, anh T về Việt Nam nghỉ phép thì vợ chồng anh, chị lại xảy ra mâu thuẫn căng thẳng, gia đình ông bà khuyên bảo nhưng không được. Nay anh T, chị H xin ly hôn là quyền của anh chị, ông bà đề nghị Tòa án ghi nhận sự thuận

tình của anh, chị. Anh T, chị H có 02 con chung là cháu Bùi Minh K1, sinh ngày 08/11/2015 và Bùi Minh K2, sinh ngày 25/10/2020. Cháu K1 đang ở với vợ chồng ông, bà và do ông, bà nuôi dưỡng từ năm 2023 đến nay (sau thời điểm chị H không sống chung cùng ông, bà); cháu K2 đang ở với chị H. Ông Q, bà L nhất trí nhận sự uỷ quyền của anh T trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K1 trong thời gian anh T lao động ở Hàn Quốc cho đến khi anh T trở về Việt Nam. Về tài sản chung, công nợ chung anh T, chị H không có.

\* Tại phiên họp:

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam: Căn cứ khoản 2 Điều 29, khoản 1 Điều 37, Điều 369, Điều 370 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 55, 81 và Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị công nhận thuận tình ly hôn giữa anh T và chị H; về con chung: giao cháu Bùi Minh K1, sinh ngày 08/11/2015 cho anh Bùi Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; giao cháu Bùi Minh K2, sinh ngày 25/10/2020 cho chị Vũ Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; anh T, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Trong thời gian anh T không ở Việt Nam, giao ông Q, bà L chăm sóc cháu K1; về lệ phí ly hôn sơ thẩm: Chị H phải nộp 300.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc hôn nhân và gia đình được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Bùi Ngọc T đang sống và làm việc tại Hàn Quốc. Anh T và chị H đều có hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam và có đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con. Các văn bản của anh T gửi từ Hàn Quốc về Việt Nam đều có chứng thực của Đ tại Hàn Quốc. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam thụ lý, giải quyết việc hôn nhân và gia đình là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 29; điểm b khoản 1 Điều 37; Điều 361; Điều 362 và Điều 365 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của anh T, chị H, anh N, anh A, ông Q, bà L tại phiên họp: Các đương sự đã có bản tự khai, văn bản ý kiến tại Tòa án và đều xin được giải quyết vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành giải quyết vụ việc vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Ngọc T và chị Vũ Thanh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 03/01/2015 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam, là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu anh T, chị H sống hoà thuận, hạnh phúc. Do mỗi người sống một nơi, anh T ở Hàn Quốc, chị H ở Việt Nam nên tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Năm 2022 anh T, chị H phát sinh mâu thuẫn căng thẳng và sống ly thân từ đó đến nay. Anh

T, chị H đều xác định không còn tình cảm với nhau và yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy, tình cảm giữa anh T và chị H đã bị rạn nứt trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần công nhận thuận tình ly hôn cho anh T và chị H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh Bùi Ngọc T và chị Vũ Thanh H có 02 con chung là cháu Bùi Minh K1, sinh ngày 08/11/2015 và Bùi Minh K2, sinh ngày 25/10/2020. Hiện nay, cháu K1 sống cùng ông, bà nội (ông Bùi Xuân Q và bà Lê Thị L), cháu K2 sống cùng chị H. Khi ly hôn, anh T, chị H thỏa thuận anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu K1; chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu K2; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Cháu K1 có nguyện vọng được ở với anh T. Do anh T đang ở Hàn Quốc nên anh T uỷ quyền cho bố mẹ đẻ là ông Q, bà L chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K1 cho đến khi anh T về Việt Nam; ông Q, bà L nhất trí nhận sự uỷ quyền của anh T. Xét thấy, sự thoả thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của cháu K1 và đảm bảo quyền lợi cho các cháu nên chấp nhận sự thoả thuận của các đương sự về việc nuôi con chung là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung: Anh Bùi Ngọc T và chị Vũ Thanh H không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về lệ phí ly hôn sơ thẩm: Chấp nhận sự thoả thuận của anh T, chị H, chị H là người nộp toàn bộ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 149, Điều 361, Điều 365, khoản 2, khoản 3 Điều 367; Điều 369, Điều 370, Điều 371, Điều 396 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Bùi Ngọc T và chị Vũ Thanh H.

2. Về con chung: Công nhận sự thoả thuận của anh Bùi Ngọc T và chị Vũ Thanh H, giao cháu Bùi Minh K1, sinh ngày 08/11/2015 cho anh Bùi Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao cháu Bùi Minh K2, sinh ngày 25/10/2020 cho chị Vũ Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành và lao động tự lập được. Anh T, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chấp nhận sự thoả thuận của anh T, ông Q, bà L, tạm giao cháu Bùi Minh K1 cho ông Bùi Xuân Q và bà Lê Thị L nuôi dưỡng, chăm sóc trong thời gian anh T ở Hàn Quốc cho đến khi anh T trở về Việt Nam.

Sau khi ly hôn, anh T không trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu K2, chị H không trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu K1 được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật; không ai được cản trở anh T, chị H trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục cháu K1, cháu K2.

3. Lệ phí ly hôn sơ thẩm: Công nhận sự thoả thuận của anh Bùi Ngọc T và chị Vũ Thanh H, chị H là người nộp toàn bộ lệ phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng chị H đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002051, ngày 18/10/2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam. Chị H đã nộp đủ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 8 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hà Nam;
- UBND xã Trung Lương;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

**Trần Văn San**



